

QUY CHẾ

Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học công nghiệp Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1015 /QĐ-ĐHCN ngày 8 tháng 9 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, bao gồm các nội dung về: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy các trình độ đại học và cao đẳng của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; hình thức đào tạo; hình thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình đào tạo được các khoa trực thuộc trường Đại học Công nghiệp Hà Nội xây dựng. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết, nội dung lý thuyết và thực hành, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ký ban hành các chương trình đào tạo để triển khai thực hiện trong trường, với khối lượng của mỗi chương trình đào tạo không dưới 120 tín chỉ đối với khoá đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Các học phần có khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ trừ thực tập tốt nghiệp, khoá luận và đồ án tốt nghiệp. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở; 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp (tương đương 1 tuần liên tục).

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Số tín chỉ của từng học phần được ghi trong chương trình và trong Sổ tay sinh viên.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường từ 6 giờ 30 đến 22 giờ hàng ngày trong tuần. Trường phòng đào tạo sắp xếp thời khoá biểu hàng ngày cho toàn trường căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học và điều kiện cơ sở vật chất của trường.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học cho mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đạt điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺ hoặc D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần đạt điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺ hoặc D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khoá học tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện 3 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; 1,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành đào tạo;

- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; 2,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành đào tạo; 1,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Năm học đầu tiên có 2 học kỳ chính và 1 học kỳ phụ, các năm học tiếp theo có 2 học kỳ chính, 2 học kỳ phụ. Mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Học kỳ phụ có từ 4 đến 8 tuần thực học và 1 tuần thi. Học kỳ phụ để tạo điều kiện cho sinh viên được học lại, học bù hoặc học vượt.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Trường phòng đào tạo dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bằng 2 lần thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường sinh viên phải nộp cho phòng đào tạo các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ trên phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng đào tạo của trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và dự kiến kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình, ngành đào tạo hoặc chuyên ngành

1. Đầu khóa học, sinh viên được sắp xếp vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo căn cứ vào nguyện vọng cá nhân và kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển trong kỳ tuyển sinh.

2. Đối với các ngành đào tạo có nhiều chuyên ngành, sinh viên học chuyên ngành nào phải thực hiện đăng ký học chuyên ngành đó theo kế hoạch của nhà trường đối với từng khóa học, ngành học. Thời gian đăng ký thực hiện trước ít nhất 1 học kỳ tính từ khi bắt đầu theo học chuyên ngành. Phòng đào tạo hướng dẫn tổ chức đăng ký học chuyên ngành và quản lý sinh viên theo các chuyên ngành.

Điều 9. Tổ chức lớp học

a) Lớp học ổn định được tổ chức theo nhóm các học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo. Hệ thống cán bộ lớp, cán bộ đoàn và hội sinh viên được tổ chức theo các lớp ổn định và duy trì trong cả khoá học.

b) Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần khác dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

- Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học này được quy định như sau: 80 sinh viên đối với các học phần giáo dục đại cương, 60 sinh viên đối với những học phần ngành và 40 sinh viên đối với những học phần chuyên ngành. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi học kỳ, nhà trường thông báo danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, kế hoạch thi, kiểm tra kết thúc của từng học phần.

2. Trừ một số trường hợp ngoại lệ được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên bắt buộc phải tham dự đầy đủ các học phần ở lớp học ổn định của mình. Ngoài ra, căn cứ vào chương trình đào tạo, từng sinh viên còn phải đăng ký học bổ sung các học phần khác với phòng đào tạo.

3. Trước thời điểm bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo của trường. Trong mỗi học kỳ có hai đợt đăng ký: Đợt đăng ký chính và đợt đăng ký phụ

a) Đợt đăng ký chính được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

b) Đợt đăng ký phụ được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký bổ sung hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

4. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a) 15 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 12 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở kỳ học phụ.

d) Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

5. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 25 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng tối đa đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

6. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

7. Phòng đào tạo tổ chức cho sinh viên đăng ký khối lượng học tập ở mỗi học kỳ. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận cho từng học kỳ và được Phòng đào tạo theo dõi, lưu trữ trong thời gian 1 năm tính từ khi có quyết định công nhận kết quả đăng ký khối lượng học tập.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Hết thời gian đăng ký theo quy định, sinh viên muốn rút bớt học phần đã đăng ký sẽ thực hiện như sau: Trong thời gian từ tuần thứ 6 đến hết tuần thứ 8 của học kỳ chính hoặc từ tuần thứ 2 đến hết tuần thứ 3 của học kỳ phụ, sinh viên viết đơn xin rút bớt học phần (có xác nhận của CVHT) và gửi về Phòng Đào tạo. Nếu được chấp nhận, sinh viên sẽ được hủy kết quả đăng ký của các học phần xin rút nhưng vẫn phải đóng kinh phí đào tạo của các học phần được rút.

- Ngoài thời hạn nêu trên, khối lượng học tập đã đăng ký thành công trong học kỳ vẫn được giữ nguyên. Sinh viên không đi học được coi là tự ý bỏ học, phải nhận điểm F là điểm học phần và phải đóng học phí theo quy định.

- Danh sách sinh viên được chấp nhận cho rút học phần được công bố trong tuần thứ 9 của học kỳ chính hoặc tuần thứ 4 của học kỳ phụ trên trang web đào tạo (<http://dttc.hau.edu.vn>).

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên viết đơn theo mẫu, xin tư vấn và xác nhận của Cố vấn học tập và trực tiếp nộp về phòng đào tạo để trình Hiệu trưởng quyết định;

b) Không vi phạm khoản 4 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên được phép thôi học đối với học phần xin rút bớt sau khi kết quả xin rút được nhà trường chấp thuận.

Điều 12. Đăng ký học lại hoặc học đổi

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺ hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Sinh viên được quyền đăng ký học lại các học phần bị điểm B⁺, B, C⁺, C, D⁺ hoặc D (đối với các học phần tự chọn, sinh viên có thể đăng ký học đổi sang học phần khác) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm cao nhất trong các lần học sẽ được sử dụng để tính điểm chung bình chung tích lũy vào thời điểm xét học tiếp hoặc xét tốt nghiệp.

4. Nhà trường không giới hạn số lần đăng ký học lại hoặc học đổi trong thời gian sinh viên được phép hoàn thành chương trình theo quy định. Sinh viên có thể đăng ký học lại, học đổi trong học kỳ chính hoặc học kỳ phụ theo kế hoạch tổ chức đào tạo của nhà trường.

5. Thủ tục đăng ký học giống như đối với một học phần mới.

Điều 13. Nghỉ ốm, nghỉ có lý do chính đáng

Sinh viên xin nghỉ ốm, nghỉ có lý do chính đáng trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa quản lý sinh viên trong vòng 5 ngày (không tính ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật) kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương, hoặc của bệnh viện.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (KLTL) so với khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo (KLCT), sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Năm đào tạo	Cao đẳng chính quy	Đại học chính quy
a) Sinh viên năm thứ nhất	$KLTL \leq 1/3 KLCT$	$KLTL \leq 1/4 KLCT$
b) Sinh viên năm thứ hai	$1/3 KLCT < KLTL \leq 2/3 KLCT$	$1/4 KLCT < KLTL \leq 1/2 KLCT$

c) Sinh viên năm thứ ba và năm cuối khóa cao đẳng	KLTL > 2/3 KLCT	1/2 KLCT < KLTL ≤ 3/4 KLCT
d) Sinh viên năm cuối khóa đại học		KLTL > 3/4 KLCT

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp thôi học

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ sẽ được tính vào kết quả học tập học kỳ chính tổ chức ngay trước học kỳ phụ hoặc học kỳ chính tổ chức song song với học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng đào tạo xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời gian được phép hoàn thành chương trình quy định tại khoản 3 Điều 6. Sinh viên thuộc diện cảnh báo nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

b) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong những trường hợp sau đây:

a) Lần thứ 2 liên tiếp có kết quả học tập rơi vào các trường hợp thuộc mục a hoặc b khoản 1 Điều này.

b) Lần thứ 3 có kết quả học tập rơi vào các trường hợp thuộc mục a hoặc b khoản 1 Điều này.

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, nhà trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại mục a,b,c khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình đào tạo vừa làm vừa học tương ứng và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho chuyển chương trình đào tạo và cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể. Thời hạn nhận đơn xin xét chuyển xuống học ở trình độ đào tạo thấp hơn hoặc chuyển qua chương trình đào tạo vừa làm vừa học tương ứng không quá 12 tháng kể từ khi có quyết định buộc thôi học. Nhà trường sẽ không giải quyết các trường hợp nộp đơn muộn.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai bằng.

2. Điều kiện để sinh viên học cùng lúc hai chương trình được Hiệu trưởng quy định trong văn bản riêng.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

4. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Sinh viên chuyển trường

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xét chuyển vào trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nếu thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

c) Được Hiệu trưởng trường xin chuyển đi chấp nhận;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển đến trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung vào trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nhưng không trúng tuyển hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển vào ngành xin học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

b) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

c) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

d) Sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập tại trường đang theo học.

3. Thủ tục chuyển đến trường:

a) Sinh viên chuyển đến phải có hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của trường xin chuyển đi.

b) Phòng đào tạo xử lý hồ sơ, đề xuất Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần

phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình hiện tại của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

4. Sinh viên chuyển đi khỏi trường Đại học Công nghiệp Hà Nội phải làm đầy đủ các hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của trường.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Điều 19. Quy định thời gian có mặt trên lớp

1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành:

- Sinh viên tham dự $\geq 70\%$ số tiết học của học phần được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

- Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết học lý thuyết hoặc quá 30% số giờ học của từng bài thực hành hoặc có điểm đánh giá bài thực hành không đạt sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần, nhận điểm F là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).

2. Đối với các học phần thực hành (Thực hành/Thí nghiệm/Thực tập): Sinh viên tham dự $\geq 70\%$ số giờ học của từng bài và tất cả các điểm đánh giá đạt yêu cầu được tổng kết học phần. Trường hợp sinh viên không tham dự đủ 70% số giờ học của từng bài thực hành hoặc có điểm đánh giá bài thực hành không đạt yêu cầu sẽ nhận điểm F là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).

3. Học phần Đồ án môn học/Bài tập lớn:

- Sinh viên tham dự $\geq 70\%$ số tiết học trên lớp (quy định tại đề cương chi tiết học phần) của học phần được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

- Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết trên lớp phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).

3. Học phần đồ án/khóa luận tốt nghiệp được Hiệu trưởng quy định trong văn bản riêng.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính để sinh viên thi kết thúc học phần.

2. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi chính kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.

3. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa quản lý sinh viên xác nhận và Hiệu trưởng cho phép, được dự thi ở kỳ thi bổ sung do trung tâm quản lý chất lượng tổ chức. Thời gian tổ chức đợt thi bổ sung do trung tâm quản lý chất lượng quy định nhưng phải đảm bảo hoàn thành kết quả thi đợt bổ sung trước khi xét học tiếp, xét tốt nghiệp (áp dụng cho học kỳ cuối khóa) 1 tuần. Sinh viên không tham dự kỳ thi bổ sung sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.

Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được Hiệu trưởng quy định trong văn bản riêng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), thực hành, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

3. Bài thi kết thúc học phần do hai giảng viên chấm (trừ các bài thi chấm bằng máy). Điểm thi được công bố trong vòng 10 ngày kể từ ngày thi, điểm thi vấn đáp được công bố công khai ngay sau mỗi buổi thi. Trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định. Điểm thi trắc nghiệm trên máy tính được công bố ngay sau mỗi buổi thi.

Việc bảo quản và lưu giữ các bài thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), tiểu luận, bài tập lớn, bài thi trên máy tính ít nhất là hai năm kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Giảng viên giảng dạy học phần trực tiếp ra đề thi giữa học phần, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

5. Điểm trung bình các điểm trong kỳ, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào phiếu ghi điểm tổng kết học phần theo mẫu thống nhất của trường. Hiệu trưởng quy định lưu phiếu ghi điểm học phần trong văn bản riêng.

Điều 22. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành

a. Cách xác định điểm trung bình các điểm trong kỳ

Stt	Các loại điểm bộ phận	Hệ số
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1
2	Điểm thi giữa học phần	2

- Điểm trung bình các điểm trong kỳ là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi giữa học phần theo hệ số của từng loại điểm. Điểm trung bình các điểm trong kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Cách tính các loại điểm:

Điểm kiểm tra thường xuyên: Gồm các điểm kiểm tra kết quả học tập hàng ngày. Số điểm kiểm tra thường xuyên được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phải đảm bảo: đối với học phần có từ 3 tín chỉ trở xuống phải có ít nhất 2 điểm kiểm tra thường xuyên, đối với những học phần có từ 4 tín chỉ trở lên phải có tối thiểu 2 điểm kiểm tra thường xuyên và có 1 điểm thi giữa học phần;

Điểm thi giữa học phần: Thời điểm tổ chức thi và nội dung thi do giáo viên giảng dạy lựa chọn trên cơ sở tổng hợp nội dung từ đầu học phần. Thời gian làm bài thi giữa học phần từ 60 đến 90 phút.

Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi giữa học phần được làm tròn đến 0,5.

b. Cách xác định điểm học phần

STT	Loại điểm	Hệ số
1	Điểm trung bình các điểm trong kỳ	1
2	Điểm thi kết thúc học phần	2

- Điểm thi kết thúc học phần được làm tròn đến 0,5.

- Điểm học phần: Là trung bình cộng của điểm trung bình các điểm trong kỳ và điểm thi kết thúc học phần theo hệ số của từng loại điểm. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 ÷ 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và chuyển qua thang điểm chữ để tính điểm trung bình chung.

2. Đối với các học phần thực hành (Thực hành/thí nghiệm/Thực tập): Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Điểm đánh giá các bài thực hành làm tròn đến 0,5.

3. Học phần Đồ án môn học, Bài tập lớn: Sử dụng điểm đánh giá khi kết thúc học phần làm điểm học phần. Điểm đánh giá tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến 0,5.

4. Đánh giá học phần đồ án/ khóa luận tốt nghiệp được Hiệu trưởng quy định trong văn bản riêng.

5. Các hoạt động thực tập tại doanh nghiệp, nghiên cứu khoa học, thi robocon, thi olimpic là hoạt động học tập. Kết quả hoạt động được nhà trường ghi nhận và có thể quy đổi tương đương với các học phần trong chương trình đào tạo.

- Đối với hoạt động thực tập tại doanh nghiệp: Trước khi tổ chức chương trình thực tập tại doanh nghiệp 01 tháng, Khoa/trung tâm đào tạo xây dựng đề cương chi tiết học phần, đề xuất học phần tương đương trong chương trình đào tạo và chuyển về phòng đào tạo để tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, thi robocon, thi olimpic: Căn cứ theo kết quả đạt được, Khoa/TT đào tạo lập đề xuất học phần tương đương và chuyển về phòng đào tạo để tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 23. Các loại điểm sử dụng để tính điểm TBC học kỳ, TBC tích lũy

1. Các loại điểm học phần được sử dụng để tính điểm TBC học kỳ

- Điểm học phần của các học phần trong chương trình đào tạo của ngành học thứ nhất, được tổ chức trong học kỳ chính, do sinh viên đăng ký và học lần đầu. Nếu sinh viên đăng ký học lại học phần ở học kỳ phụ tổ chức ngay sau học kỳ chính hoặc song song với học kỳ chính thì điểm học phần cao nhất trong các lần học sẽ được sử dụng để tính điểm TBC học kỳ của học kỳ chính đó.

- Điểm học phần do sinh viên đăng ký học đổi (điều 12 của Quy chế), học vượt trong học kỳ phụ được tổ chức ngay sau học kỳ chính hoặc song song với học kỳ chính.

- Sinh viên đã tích lũy đủ số tín chỉ và số học phần theo quy định cho nhóm học phần tự chọn trong chương trình đào tạo, nếu đăng ký học thêm các học phần khác trong nhóm thì điểm học phần đạt được sẽ sử dụng để tính điểm TBC học kỳ. Sinh viên không muốn sử dụng kết quả học tập của các học phần học thêm để tính điểm TBC học kỳ thì có thể làm đơn xin hủy học phần và gửi về Phòng Đào tạo trước thời điểm xét học tiếp để điểm học phần đó không sử dụng để tính điểm TBC học kỳ.

2. Tính điểm TBC tích lũy: Điểm học phần cao nhất mà sinh viên tích lũy được qua các lần học được sử dụng để tính điểm TBC tích lũy tại thời điểm xét học tiếp, xét tốt nghiệp.

Đối với các nhóm học phần tự chọn, số lượng học phần trong nhóm tự chọn sinh viên tích lũy được lớn hơn số lượng học phần quy định phải tích lũy trong nhóm tự chọn: Nhà trường sẽ sử dụng các học phần có điểm học phần cao nhất, đủ số lượng học phần theo quy định của nhóm, để tính điểm trung bình chung tích lũy.

3. Trường hợp sinh viên đăng ký học các học phần ngoài chương trình đào tạo: Điểm học phần của các học phần không nằm trong chương trình đào tạo của ngành học, các học phần này thuộc chương trình đào tạo của ngành khác do sinh viên đăng ký học thêm, không sử dụng để tính điểm TBC học kỳ, TBC tích lũy; Kết quả tích lũy được của các học phần học thêm sẽ không ghi trong bảng kết quả học tập, sinh viên có nhu cầu nhận chứng nhận hoàn thành các học phần này sẽ làm đơn và gửi Phòng đào tạo để cấp chứng nhận.

Điều 24. Cách tính điểm học phần

1. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

Thang điểm chữ	Thang điểm 10	Xếp loại
A	8,5 -10	Giỏi
B ⁺	7,7-8,4	Khá
B	7,0-7,6	
C ⁺	6,2-6,9	Trung bình
C	5,5-6,1	
D ⁺	4,7-5,4	Trung bình yếu
D	4,0-4,6	

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

2. Việc xếp loại các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

3. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 2 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

4. Việc xếp loại ở mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học phần sinh viên bị ốm, tai nạn hoặc lý do khách quan khác không thể dự kiểm tra hoặc thi, được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên thiếu điểm bộ phận do không thể dự kiểm tra hoặc thi vì những lý do khách quan, được giảng viên chấp thuận.

Trước khi bắt đầu học kỳ chính kế tiếp, sinh viên có điểm I phải trả xong các nội dung còn nợ để được chuyển điểm. Nếu không hoàn thành sinh viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu.

5. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ trung tâm quản lý chất lượng chuyển lên.

6. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận, bảo lưu kết quả khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

7. Các quy định đối với học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng

a) Học phần Giáo dục thể chất

- Thời gian có mặt trên lớp: Thực hiện theo qui định tại Điều 19.

- Đánh giá học phần thực hiện theo quy định tại Điều 22. Điểm trung bình chung học phần thực hiện theo Điều 25 (sử dụng thang điểm 10).

- Xếp loại chứng chỉ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 24.

b) Học phần Giáo dục Quốc phòng

Điều kiện thi, số lần thi kết thúc học phần, điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh thực hiện qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 25. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi tương ứng qua thang điểm 4 như sau:

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4
B+	3,5
B	3
C+	2,5
C	2
D+	1,5
D	1
F	0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung tích lũy để xét cảnh báo, thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học.

Điều 26. Phúc tra và khiếu nại điểm

Điểm học phần được công bố tại văn phòng khoa phụ trách học phần và trên trang web đào tạo (<http://dttc.hau.edu.vn>). Sinh viên phải kiểm tra kết quả điểm của mình. Sinh viên có quyền gửi đơn khiếu nại về điểm (điểm trung bình chung các điểm trong kỳ, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần) đến văn phòng khoa phụ trách học phần chậm nhất là 5 ngày (không tính thời gian nghỉ lễ, thứ 7 và chủ nhật) tính từ ngày họp xét học tiếp, xét tốt nghiệp. Trưởng khoa có trách nhiệm phối hợp với phòng Đào tạo và trung tâm Quản lý chất lượng để giải quyết và trả lời khiếu nại của sinh viên theo quy định của nhà trường.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 27. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt tiêu chuẩn quy định của trường và đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng bằng 7 tín chỉ cho trình độ đại học và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không thuộc diện làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc sinh viên đạt tiêu chuẩn làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp nhưng không đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn theo quy định cho chương trình.

2. Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể trong một văn bản riêng về:

a) Các tiêu chuẩn sinh viên đủ điều kiện đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp;

b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

c) Hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp, Hiệu trưởng giao cho trưởng khoa quản lý học phần bố trí thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp của sinh viên kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Điều 28. Chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định quy trình hướng dẫn và tổ chức bảo vệ đồ án khoá luận tốt nghiệp trong văn bản riêng.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó chuyển sang thang điểm chữ theo quy định tại khoản 1, Điều 24 của Quy chế này.

Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F không được làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp mà phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điều 29. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định của Hiệu trưởng;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 30. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 29; của Quy chế này đối với học cùng lúc hai chương trình thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Hết thời gian được phép hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên không tốt nghiệp được cấp bằng kết quả học tập của trường về các học phần đã tích lũy trong chương trình. Những sinh viên này có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 32. Điều khoản thi hành

Quy chế này được áp dụng từ khóa đào tạo đại học và cao đẳng chính quy học theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, kể từ học kỳ 1 năm học 2015-2016, thay thế cho Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 530/QĐ-ĐHCN ngày 15 tháng 02 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Riêng các khóa đào tạo tuyển sinh từ năm 2014 trở về trước, kết quả học tập của sinh viên được giữ nguyên theo thang điểm A, B, C, D đối với các học phần đã tích lũy.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Đức Quý